

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HN-ST

Ngày: 09-4-2018

”V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Diễm S, sinh năm: 1997; Địa chỉ cư trú: ấp Ph, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí H, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: ấp T2, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị S có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Diễm S trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí H do quen biết nhưng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp T2, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu có hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 05 tháng sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bất hòa, đã không còn sống chung khoảng 06 tháng nay, chị về bên cha mẹ ruột ở ấp Ph, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre sinh sống và đi làm. Nay thấy hôn nhân không thể tồn tại được nữa nên xin ly hôn với anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Chí H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018:

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm S do sau khi cưới nhau được 04 – 05 tháng, giữa anh và chị S xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chị S bỏ nhà ra đi và hiện nay anh thấy chị S có quan hệ tình cảm với người khác, gia đình anh có đến gặp gia đình chị S để đón chị S về nhưng chị S không chịu về. Nay vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt có lý do, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm S; Con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, cả hai trình bày không có đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm S, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Diễm S là nguyên đơn, anh Nguyễn Chí H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Chí H vắng mặt, có đơn xin vắng lý do bận công việc gia đình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm S, thấy rằng:

Chị S và anh H tuy có thời gian tìm hiểu, quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, chị S trình bày do thời gian tìm hiểu rất ngắn (chỉ khoảng 01 tháng) nên khi về sống chung đã xảy ra những bất hòa, mâu thuẫn tuy không lớn nhưng không có biện pháp khắc phục dẫn đến việc chị S bỏ đi. Trong thời gian này, chị S cũng không có thiện chí hòa giải, không muốn về sống chung với anh H mà gởi đơn xin ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, bà Trần Thị U là mẹ ruột của anh H cũng cho biết: Chị S và anh H cưới nhau tháng 5/2017 âm lịch, sống chung với gia đình bà khoảng được 04 – 05 tháng. Trong quá trình sống chung, chị S và anh H có tranh cãi vài

lần, chị S bỏ đi, không về nhà. Gia đình bà có lên nhà chị S tìm kiếm và đón chị S về nhưng không được do không gặp chị S và gia đình chị S bảo không biết chị S đi đâu.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh H thực tế đã diễn ra tuy lúc đầu không lớn nhưng cả hai không có giải pháp khắc phục nên dẫn đến mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, chị S bỏ đi. Nay cả hai không còn sống chung, đều có nguyện vọng ly hôn nên việc hàn gắn đoàn tụ là không thể. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị S là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, chị S chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm S.

Chị Nguyễn Thị Diễm S được ly hôn với anh Nguyễn Chí H.

2/ Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5/ Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) chị Nguyễn Thị Diễm S phải chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014672 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ

ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Đường sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng